

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN CHÂU
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/DS-ST
Ngày 15 - 10 – 2018
V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN CHÂU, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đào Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Sửu, bà Lò Thị Le

- Thư ký phiên toà: Ông Hà Văn Thiết – Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu tham gia phiên toà:
Bà Phạm Thanh Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Châu , tỉnh Sơn La đưa ra xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2017/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2017, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2018/QĐXXST-DS ngày 29/8/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị O, sinh năm 1963, ông Đào Duy Đ, sinh năm 1958 ủy quyền cho bà Bùi Thị O. Điều trú tại: Tiểu khu x, thị trấn Y, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1965, chị Lương Thị H, sinh năm 1973, ủy quyền cho anh Hoàng Văn T. Điều trú tại: Bản L, xã C, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La. Điều vắng mặt không có lý do.

- Người làm chứng:

1/ Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1970. Trú tại: Bản S, xã S, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

2/ Ông Quàng Văn S, sinh năm 1962. Trú tại: bản N, xã T, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 10 năm 2017, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì nguyên đơn bà Bùi Thị O và ông Đào Duy Đ trình bày:

Ngày 27/7/2011 bà Bùi Thị O, ông Đào Duy Đ cho anh Hoàng Văn T, chị Lương Thị H địa chỉ Bản L, xã C, huyện Yên Châu vay số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), thời hạn trả nợ ngày 27/10/2011.

Ngày 23/11/2011 anh Hoàng Văn T, chị Lương Thị H vay tiếp số tiền là 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn trả nợ ngày 23/12/2011.

Hai lần vay đều lập giấy biên nhận vay tiền, lãi xuất các bên thỏa thuận bên ngoài mà không ghi trong giấy vay tiền.

Đến thời hạn trả nợ nhưng anh Hoàng Văn T, chị Lương Thị H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, nên ngày 02/7/2012 giữa bà Bùi Thị O, ông Đào Duy Đ và anh Hoàng Văn T, chị Lương Thị H có lập giấy hợp đồng vay tiền với tổng số tiền là 598.000.000 đồng (gồm số tiền gốc và tiền lãi phát sinh của 02 lần vay trên), có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã C, huyện Yên Châu, thời hạn trả nợ đến ngày 30/10/2012. Từ tháng 01/2016 đến tháng 6/2017 gia đình anh T, chị H đã thanh toán được tổng số tiền 41.000.000 đồng và từ đó anh T, chị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay bà Bùi Thị O, ông Đào Duy Đ yêu cầu anh Hoàng Văn T và chị Lương Thị Hoa có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc là 598.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật từ ngày 02/7/2012 cho đến ngày xét xử và đồng ý trừ số tiền 41.000.000 đồng vào tiền lãi cho anh Hoàng Văn T, chị Lương Thị H.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải bị đơn anh Hoàng Văn T, chị Lương Thị H trình bày:

Anh, chị có viết giấy vay tiền như nguyên đơn trình bày, nhưng số tiền vay 200.000.000 đồng, anh Hoàng Văn T đã giao lại cho ông Quảng Văn S 120.000.000 đồng, nên anh T đề nghị ông Sáng thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền 120.000.000 đồng cho bà O, còn số tiền vay 250.000.000 đồng anh được nhận từ bà Bùi Thị O số tiền này anh mang đi rút thế chấp giấy chứng nhận của gia đình anh do trước đó bà Bùi Thị O mượn sổ của gia đình anh đi đổi thế chấp từ gia đình chị Nguyễn Thị H (Tổ) ở bản Bản S, xã S, huyện Yên Châu, nay anh, chị yêu cầu đổi trừ số tiền trên. Nên không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị O.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/6/2018 đối với ông Quảng Văn S trình bày:

Ngày 13/6/2010 ông Quảng Văn S có được vay của anh Hoàng Văn T số tiền 40.000.000 đồng, đến thời điểm ngày 07/12/2012 đã thanh toán cho anh Hoàng Văn T tổng số tiền là 63.500.000 đồng (có mở sổ theo dõi các lần trả và chữ ký của anh T) và khẳng định ông đã trả đầy đủ số tiền gốc và lãi cho anh Hoàng Văn T, còn giấy vay tiền đề ngày 24/12/2012 ông Hoàng Văn T cung cấp cho Tòa án tôi

không được nhận tiền của anh Hoàng Văn T, nay anh T đề nghị tôi phải trả nợ cho bà Bùi Thị O tôi không đồng ý bởi vì tôi không có quan hệ tranh chấp, không vay tiền của bà Bùi Thị O.

Ý kiến của chị Nguyễn Thị H tại biên bản xác minh ngày 24/5/2018:

Chị Nguyễn Thị H trình bày không có sự việc bà Bùi Thị O hay bất kì ai mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hoàng Văn T (vợ Lương Thị H) đến thế chấp để vay tiền của gia đình và không có việc anh Hoàng Văn T, chị Lương Thị H đến rút thế chấp bìa đất trên tại gia đình tôi. Chị Nguyễn Thị H cam đoan lời khai của mình và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 471; Điều 472; Điều 473; Điều 474; khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Bùi Thị O, ông Đào Duy Đ: Buộc anh Hoàng Văn T, chị Lương Thị H có trách nhiệm trả cho bà Bùi Thị O, ông Đào Duy Đ số tiền 598.000.000đ và lãi phát sinh là 297.318.500 đồng, đã được khấu trừ 41.000.000 đồng vào tiền lãi phát sinh.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn đối với nguyên đơn. Bị đơn có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu phản tố theo quy định của pháp luật.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc anh Hoàng Văn T, chị Lương Thị H phải chịu 38.859.555 đồng án phí dân sự sơ thẩm và sung công quỹ Nhà nước số tiền 3.000.000 đồng đã tạm ứng án phí phản tố.

Hoàn trả cho bà Bùi Thị O số tiền 13.960.000 đồng theo biên lai số AA/2013/04069 ngày 09/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn là anh Hoàng Văn T, chị Lường Thị H cư trú tại bản L, xã C, huyện Yên Châu trả tiền vay và lãi thì đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Châu theo quy định tại các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về thời hiệu khởi kiện phù hợp theo quy định tại Điều 157; Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] *Về tố tụng:*

Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Xét thấy bị đơn anh Hoàng Văn T, chị Lường Thị H đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ ba nhưng vẫn vắng mặt, nhân chứng Quảng Văn S, Nguyễn Thị H vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh Hoàng Văn Tr, chị Lường Thị H và các nhân chứng.

[3] *Xét về nội dung vụ án:*

Đối với nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc 598.000.000 đồng.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải các đương sự đều thừa nhận ngày 02/7/2012 giữa bà Bùi Thị O, ông Đào Duy Đ và anh Hoàng Văn T, chị Lường Thị H có lập một giấy biên nhận vay tiền với nội dung anh Hoàng Văn T, chị Lường Thị H vay của bà Bùi Thị O, ông Đào Duy Đ số tiền 598.000.000 đồng, thỏa thuận về thời gian trả nợ và tiền lãi. Các bên đều thừa nhận khoản vay trên là cộng hai khoản vay ngày 27/7/2011 và ngày 23/11/2011 với tổng số tiền 450.000.000 đồng có thỏa thuận đến ngày 23/12/2011 thanh toán tiền gốc và lãi phát sinh, do chưa thanh toán được số nợ trên nên ngày 02/7/2012 hai bên làm giấy tờ khoản tiền vay trên là 598.000.000 đồng.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án các đương sự đã cung cấp các tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án gồm: Nguyên đơn cung cấp 03 giấy vay tiền đều là bản gốc; bị đơn cung cấp giấy biên nhận trừ nợ qua lương (bản gốc); 01 giấy biên nhận mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/11/2011 (bản phô tô) và một số giấy tờ khác liên quan, Tòa án đã yêu cầu bị đơn cung cấp bản gốc hoặc bản sao công chứng, chứng thực đối với giấy biên nhận mượn quyền sử dụng đất nhưng bị đơn không cung cấp được. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện Yên Châu căn cứ vào các chứng cứ của các đương sự cung cấp để giải quyết vụ án.

Xét thấy: Theo trình bày của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ xác định anh Hoàng Văn T, chị Lường Thị H vào thời gian ngày 27/7/2011 và ngày 23/11/2011 có vay của bà Bùi Thị O, ông Đào Duy Đ với tổng số tiền 450.000.000 đồng có thỏa thuận đến ngày 23/12/2011 thanh toán tiền gốc và lãi phát sinh, do chưa thanh toán được số nợ trên nên ngày 02/7/2012 hai bên làm giấy tờ khoản tiền vay trên là 598.000.000 đồng, thời gian trả nợ đến ngày 30/10/2012

Đối với bị đơn cho rằng khoản vay 200.000.000 đồng nhận của bà Bùi Thị O, ông Đào Duy Đ đã đưa lại cho ông Quảng Văn S 120.000.000 đồng nên đề nghị ông Quảng Văn S có nghĩa vụ thanh toán cho bà Bùi Thị O. Lời khai của các đương sự, cũng như quá trình xác minh thu thập chứng cứ xác định việc anh T, chị H sử dụng khoản tiền vay là do anh T, chị H toàn quyền sở hữu, định đoạt kể từ thời điểm nhận tài sản, không có căn cứ để xác định ông S liên quan đến bà O, ông Đ, do đó ý kiến của anh T, chị H không có căn cứ để chấp nhận.

- *Về yêu cầu phản tố của bị đơn:* Đối với số tiền vay 250.000.000 đồng, anh T, chị H có được nhận tiền nhưng anh Hoàng Văn T đã mang đi rút thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình do bà Bùi Thị O mượn mang thế chấp tại gia đình chị Nguyễn Thị H, nên yêu cầu bà O, ông Đ phải đòi trừ khoản nợ này, qua xác minh đối với chị Nguyễn Thị H trình bày không có ai mang giấy chứng nhận mang tên Hoàng Văn T, Lường Thị H đến thế chấp và không có việc anh Hoàng Văn T đến rút thế chấp tại gia đình chị. Mặt khác bị đơn chỉ cung cấp văn bản phô tô về việc anh cho bà O mượn giấy nhận của gia đình anh, do vậy không được coi là chứng cứ, không có giá trị chứng minh theo khoản 1 Điều 95 của Bộ luật tố tụng dân sự về xác định chứng cứ.

Xong xét thấy bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì được coi đã từ bỏ yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự cần đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, bị đơn có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu phản tố theo quy định của pháp luật. Đối với tiền tạm ứng án phí của bị đơn cần sung công quỹ Nhà nước.

Từ những nhận định trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc 598.000.000 đồng cho bà O, Đ. Căn cứ Điều 290; Điều 471; Điều 472; Điều 473; Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc trả lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi khoản vay 598.000.000 đồng theo quy định của pháp luật từ ngày 02/7/2012 thấy rằng: Trong giấy vay tiền ngày 02/7/2012 các bên có thỏa thuận lãi suất nhưng không xác định rõ lãi suất. Theo quy định tại khoản 2 Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 thì các bên có thỏa thuận về lãi nhưng không xác định rõ lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ, căn cứ quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Việt Nam công bố lãi suất cơ bản là 09%/năm, 0,75%/ tháng, 0,025%/ngày. Như vậy nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi xuất 09%/năm là phù hợp và cần được chấp nhận.

Thời gian tính lãi từ ngày 02/7/2012 đến ngày 15/10/2018 là 06 năm, 03 tháng 13 ngày = 75 tháng 13 ngày.

Đối với tiền lãi của anh T, chị H như sau: $598.000.000đ \times 75 \text{ tháng} \times 0,75\% + 598.000.000 \text{ đ} \times 13 \text{ ngày} \times 0,025\%$ = 338.318.500đ (Ba trăm ba mươi tám triệu ba trăm mười tám nghìn năm trăm đồng).

Chấp nhận anh Hoàng Văn T, chị Lương Thị H đã trả cho bà Bùi Thị O, Đào Duy Đ số tiền 41.000.000 đồng, được trừ vào tiền lãi phải trả là phù hợp, cần chấp nhận.

Tổng số tiền vay và lãi anh T, chị H là: 598.000.000 đồng (tiền vay) + 297.318.500 đồng (tiền lãi) = 895.318.500đ (Tám trăm chín mươi năm triệu ba trăm mười tám nghìn năm trăm đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 471; Điều 472; Điều 473; Điều 474; Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị O, ông Đào Duy Đ đối với anh Hoàng Văn T, chị Lương Thị H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc anh Hoàng Văn T, chị Lương Thị H cùng có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị O, ông Đào Duy Đ tổng số tiền 895.318.500đ (Tám trăm chín mươi năm triệu ba trăm mười tám nghìn năm trăm đồng), trong đó tiền gốc 598.000.000đ đồng và lãi 297.318.500 (Hai trăm chín mươi bảy triệu ba trăm mười tám nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn đối với nguyên đơn. Bị đơn có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu phản tố theo quy định của pháp luật.

2/ Về án phí:

Anh Hoàng Văn T, chị Lương Thị H phải chịu 38.859.555đ (Ba mươi tám triệu tám trăm năm mươi chín nghìn năm trăm năm mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm,

Hoàn trả cho bà Bùi Thị O số tiền tạm ứng án phí đã nộp 13.960.000 đồng theo biên lai số AA/2013/04069 ngày 09/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

Sung công quỹ Nhà nước số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) do ông Hoàng Văn T đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai số AA/2013/04097 ngày 21/12/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Hoàng Văn T, chị Lương Thị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Sơn La;
- VKS huyện Yên Châu;
- Chi cục THADS huyện Yên Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đào Ngọc Hà